

Tư tưởng chính trị Việt Nam truyền thống và sự vận dụng trong giai đoạn hiện nay

Vũ Thị Thu Quyên¹, Nguyễn Minh Hiếu²

¹ Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: quyenbctt@gmail.com

² Trường Chính trị tỉnh Bắc Giang.

Email: hieudong1976@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 1 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 3 năm 2019.

Tóm tắt: Lịch sử chính trị Việt Nam gắn với quá trình dựng nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, những tư tưởng chính trị nổi trội như: chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc, tư tưởng đề cao pháp luật... đã phát huy giá trị to lớn, là niềm tự hào chân chính, là động lực thúc đẩy mọi người dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền và xây dựng đất nước phồn vinh. Những giá trị đó đã và đang được kế thừa, phát triển trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: Giá trị, tư tưởng chính trị, Việt Nam.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: The history of Vietnam's politics is associated with the process of building up the country, fighting against foreign invaders, and protecting national independence. Over thousands of years, outstanding political thoughts such as patriotism, thoughts of national independence and national sovereignty, of being close to the people, taking people as the foundation, and of upholding the law, brought into full play their great values, being the justified pride and driving forces to urge all Vietnamese people to be determined to protect the national independence and sovereignty as well as building a prosperous country. Those values have been inherited and developed in the current cause of renovation and international integration.

Keywords: Value, political thought, Vietnam.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Trong lịch sử Việt Nam đã xuất hiện nhiều tư tưởng chính trị có ảnh hưởng tích cực đến đời sống xã hội đương thời, đồng thời có giá trị vượt trội, mang tính phổ biến, và tiếp tục phát huy vai trò trong cuộc sống hôm nay. Đặc biệt, tư tưởng chính trị Việt Nam truyền thống có giá trị to lớn trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cán bộ, đảng viên. Bài viết tập trung làm rõ những tư tưởng chính trị Việt Nam truyền thống như: chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia; tư tưởng thân dân, lấy dân làm gốc; tư tưởng đề cao pháp luật. Từ đó vận dụng và phát huy những giá trị tư tưởng chính trị truyền thống trong giai đoạn hiện nay.

2. Tư tưởng chính trị Việt Nam truyền thống

2.1. Chủ nghĩa yêu nước

Tư tưởng xuyên suốt trong hàng nghìn năm lịch sử của dân tộc Việt Nam là chủ nghĩa yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước thể hiện rõ nét nhất ở bản lĩnh, tình cảm con người Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước. Chủ nghĩa yêu nước trở thành động lực to lớn mỗi khi đất nước bị các thế lực ngoại bang đe dọa, nền độc lập bị xâm phạm. Do nước ta phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh cứu nước và giải phóng dân tộc, yêu nước đã trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh. Yêu nước là tư tưởng và đạo đức của mọi dân tộc trên thế giới, nhưng tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể, tinh thần yêu

nước của mỗi dân tộc có quá trình hình thành, phát triển sớm muộn khác nhau, với nội dung, đặc điểm khác nhau. Lịch sử Việt Nam đã chứng kiến sức mạnh to lớn của chủ nghĩa yêu nước chân chính trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Chủ nghĩa yêu nước trong lịch sử dân tộc Việt Nam được đúc kết ở các nội dung: (1) yêu quê hương, làng xóm. Trong quan niệm cổ truyền: đất nước = đất + nước, hai yếu tố cơ bản của nền nông nghiệp lúa nước lấy gia đình (nhà) và làng xóm làm đơn vị kinh tế (trong làng ngoài nước). Yêu nước trước hết phải yêu thương những người thân trong gia đình, dòng tộc, làng xóm và rộng ra là cả cộng đồng dân tộc. Tuy nhiên, ngay từ trong tư tưởng, cần kết hợp hài hòa mối quan hệ nhà - làng - nước, không được để lợi ích gia đình, làng xóm chi phối lợi ích quốc gia, lợi ích cục bộ, bản vị, địa phương làm ảnh hưởng đến lợi ích dân tộc; (2) đề cao tư tưởng lấy dân làm gốc. Nước được coi là tập hợp của nhiều làng xã. Nước hay quốc gia, dân tộc là một cộng đồng gắn bó với nhau trong lịch sử hình thành và phát triển, trong cuộc sống thường ngày. Trong nước có nhiều tầng lớp và đẳng cấp xã hội, thường được gọi là “tứ dân” gồm: sĩ, nông, công, thương, mà đông nhất là “nông”, còn gọi là “bách tính”, “thứ dân” - được ví như “nước”. Nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền. Nếu không có dân, không thể có nước, nếu dân không yên, nước không thể cường thịnh. Vì vậy, trong mọi chế độ xã hội, chính quyền muốn tồn tại dài lâu thì phải quan tâm, chăm sóc cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân; làm cho dân luôn luôn “an - lạc - lợi”; (3) ý thức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Đến bước trưởng thành, tinh

thần yêu nước, yêu quê hương sẽ nâng lên thành ý thức tự giác về trách nhiệm bảo vệ non sông đất nước, nghĩa là đã đạt đến tư tưởng rộng lớn, sâu sắc về độc lập chủ quyền, lãnh thổ quốc gia. Từ thế kỷ XV, Lê Thánh Tông đã ra lệnh: Một thước núi, một tấc sông của ta không thể vứt bỏ... Ai dám đem một thước núi, một tấc sông của vua Thái Tổ để lại làm mồi cho giặc thì tội phải chu di. Trong quan niệm của người Việt, độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia là trên hết. Có độc lập dân tộc thì mới có điều kiện bảo đảm quyền con người, quyền dân chủ của tất cả mọi người; (4) tư tưởng về lòng tự hào, tính tự tôn dân tộc. Ngay từ thời kỳ đầu lập nước, người Việt đã giải thích và tự hào về nguồn gốc “con Rồng cháu Tiên” của mình. Dân tộc - quốc gia hình thành sớm nên người Việt sớm có ý thức về cộng đồng dân tộc và ra sức bảo vệ sự thống nhất dân tộc. Khát vọng tự do, ý chí kiên cường bất khuất luôn là động lực thôi thúc các thế hệ người Việt đứng lên đấu tranh chống lại ách đô hộ của kẻ thù, thông qua đó lòng tự hào, tự tôn dân tộc ngày càng được hun đúc, nâng cao, nó thấm sâu vào trong tâm lý, tình cảm mỗi người dân và trở thành tài sản tinh thần vô giá, được trao truyền từ đời này qua đời khác.

2.2. Tư tưởng bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia

Biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa yêu nước là ý thức coi độc lập dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, chủ quyền quốc gia là báu vật do tổ tiên để lại, là danh dự của dân tộc. Mỗi lần Tổ quốc bị xâm lăng thì mọi người dân phải đặt lợi ích đất nước lên trên hết, sẵn sàng gạt bỏ mọi quyền lợi riêng, chấp nhận hy sinh gian khổ, kiên quyết đấu

tranh vì độc lập dân tộc. Chính vì vậy, tuy nước ta nhỏ, có lúc bị mất nước hàng trăm, hàng nghìn năm, nhưng người dân Việt Nam vẫn giữ vững niềm tin vào giá trị trường tồn của dân tộc.

Từ thời kỳ Văn Lang - Âu Lạc, người Việt Nam đã có ý thức xây dựng một nhà nước độc lập có chủ quyền. Tư tưởng này tiếp tục được lưu giữ trong hơn nghìn năm chống Bắc thuộc và ngày càng được khẳng định cùng với quá trình Việt hóa tư tưởng chính trị Nho gia - diễn ra đồng thời với quá trình xâm lược và thực hiện âm mưu đồng hoá của phong kiến phương Bắc. Thời kỳ này, cùng với Nho gia, trên lãnh thổ Việt Nam xuất hiện nhiều luồng tư tưởng, trào lưu văn hoá, học thuật từ Trung Hoa xuống, từ Ấn Độ sang, từ phương Nam lên. Trên nền tảng ý thức tự tôn dân tộc, người Việt đã tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của các nền văn hóa thế giới, bổ sung, làm phong phú thêm nền văn hóa dân tộc, tăng thêm sức mạnh tổng hợp để chuẩn bị cho đấu tranh giành độc lập dân tộc. Bắt đầu từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã đánh đuổi được quân Hán, giành chủ quyền dân tộc; sau đó là liên tục diễn ra các cuộc khởi nghĩa: Bà Triệu, Lý Bí, Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng... đã mở ra các thời điểm đột phá trong lịch sử nghìn năm chống Bắc thuộc của nhân dân ta. Năm 938, người anh hùng dân tộc Ngô Quyền đã lãnh đạo nhân dân vùng dậy đánh đuổi phương Bắc, giải phóng dân tộc, mở ra thời kỳ độc lập lâu dài cho Tổ quốc.

Nét đặc sắc của lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam là từ thế kỷ X trở đi, Nho giáo đã trở thành vũ khí để người Việt chống lại xâm lược và đồng hóa, đồng thời nó cũng được các triều đại phong kiến Việt Nam sử dụng để xây dựng mô hình nhà nước phong

kiến quân chủ trung ương tập quyền, qua đó khẳng định độc lập, chủ quyền quốc gia. Thời nhà Lý, tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ quyền quốc gia được đề cao, bài *Chiếu dời đô* của Lý Công Uẩn là minh chứng cho tư duy nhạy bén, sáng tạo, tầm nhìn chiến lược lâu dài của vị vua anh minh, định hướng cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Bài thơ *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta, là lời tuyên bố trước nhân dân và trước thế giới về độc lập, chủ quyền quốc gia và ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc.

Nước Đại Việt thời Trần là một quốc gia hưng thịnh với các vị vua anh minh như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông. Tư tưởng độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia được mọi người dân và giới quý tộc quán triệt sâu sắc, nhờ vậy đã đánh tan ba cuộc xâm lược của quân Nguyên Mông hung bạo, giữ vững khí phách và bản lĩnh tự tôn của dân tộc Việt.

Khi đất nước bị giặc Minh cướp phá, reo rắc tội ác, danh dự người dân Việt bị xúc phạm nghiêm trọng, Nguyễn Trãi tìm gặp Lê Lợi, dâng *Bình Ngô sách*, giúp nghĩa quân Lam Sơn đánh đuổi giặc Minh. Nguyễn Trãi đặc biệt quan tâm đến chủ quyền quốc gia Đại Việt. Ông là người đầu tiên đưa ra khái niệm và chứng minh bằng lý lẽ danh thép và thực tiễn hùng hồn về quốc gia - dân tộc Việt Nam: Như nước Đại Việt ta từ trước; Vốn xưng nền văn hiến đã lâu; Núi sông, bờ cõi đã chia; Phong tục Bắc, Nam cũng khác; Trãi Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập; Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương; Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau; Song hào kiệt đời nào cũng có [6, tr.16]. Nghĩa là các yếu tố văn hóa, lối sống, biên giới lãnh thổ, lịch sử dân

tộc... đã cấu thành chủ quyền quốc gia, độc lập với Trung Hoa ở phương Bắc.

Dưới thời Lê Thánh Tông, với chủ trương đề cao Nho giáo, kết hợp đức trị với pháp trị trong quản lý và cai trị đất nước, nhà nước phong kiến Việt Nam trở nên hùng mạnh, đạt trình độ ngang bằng với các quốc gia Âu - Á cùng thời. Trên tinh thần dân tộc sâu sắc, Lê Thánh Tông đã biết kế thừa, tiếp thu có chọn lọc các giá trị của văn minh Trung Hoa, chỉ đạo biên soạn *Luật Hồng Đức*, xây dựng hệ thống hành chính thống nhất trên cả nước, chuẩn hóa đội ngũ quan lại, xác lập nhà nước quân chủ quan liêu cao độ. Những chính sách có ý nghĩa cải cách của ông đã củng cố chế độ phong kiến, giữ vững nền độc lập dân tộc, tăng cường sức mạnh quốc gia, nâng cao đời sống của nhân dân. Vì thế dân gian có câu: Đời vua Thái tổ, Thái tông; Lúa trở đầy đồng trâu chẳng buồn ăn.

2.3. Tư tưởng thân dân, lấy “Dân làm gốc”

Tư tưởng chính trị bao trùm, chi phối đường lối cứu nước và toàn bộ hoạt động thực tiễn của nhà Trần thời kỳ đầu là tư tưởng “khoan dân” của Trần Quốc Tuấn. “Khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách để giữ nước” [6, tr.42] là tâm huyết và kinh nghiệm ông gửi đến những nhà cầm quyền muôn đời con cháu. Đây là nhận thức rất sâu sắc, vượt qua khuôn khổ tư duy phong kiến. Bắt nguồn từ tư tưởng thân dân Nho gia, dùng “đức trị”, “nhân trị” để cai trị, tư tưởng chính trị “khoan dân” của Trần Quốc Tuấn được cụ thể hóa trong đường lối cứu nước, trong cách dùng người của ông. Xuất phát từ lập trường độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, thẩm nhuần chủ nghĩa yêu nước và nhân

văn cao cả, ông rất gần gũi với nhân dân, khiêm tốn và đề cao vai trò của nhân dân. Ông quan niệm: Vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước gắng sức thì sẽ phá được giặc to. Người làm tướng giỏi bao giờ cũng phải dựa vào quần chúng, được quần chúng ủng hộ thì mới thành công. Những tư tưởng của ông đã trở thành di huấn cho mọi thời đại vì “đó là thượng sách để giữ nước”.

Đầu thế kỷ XV, tư tưởng chính trị của Nguyễn Trãi thấm nhuần “nhân nghĩa”. Nó mang tính khái quát cao và có ý nghĩa xã hội rộng lớn. Trước hết, Nguyễn Trãi gắn nhân nghĩa với “yên dân”: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân. Nhân nghĩa là chăm lo cho dân, đòi hỏi người làm quan ăn lộc vua phải có trách nhiệm với dân, phải gắn bó làm một với dân, thương yêu dân, biết “lo trước vui sau” để cho những nơi “thôn cùng ngõ vắng không có tiếng hờn giận oán sầu”. Đồng thời, muốn yên dân thì phải đấu tranh chống bạo ngược, hung tàn: Quân điều phạt trước lo trừ bạo. Vì vậy người cai trị dân phải có chính sách bảo vệ độc lập dân tộc, chống ngoại xâm, chống cái ác, phải chăm lo cho dân đủ ăn, đủ mặc, cuộc sống vui vẻ. Trừ bạo để yên dân, muốn yên dân thì phải trừ bạo.

Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi còn là việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, thanh liêm, không còn tệ nạn tham nhũng. Người làm quan coi quản trị dân đều phải tuân theo phép công bằng, đổi bỏ thói tham ô, sửa trừ tệ lười biếng, coi công việc quốc gia làm công việc của mình, lấy điều lo lắng của dân sinh làm điều lo thiết kỷ. Người làm vua phải thương yêu dân chúng, nghĩ làm những việc khoan dân, chớ thường bậy vì tư ân, chớ phạt bừa vì tư nộ. Đừng thích tiền của mà buông tuồng xa xỉ, đứng gần thanh sắc mà bừa bãi hoang

dâm. Nhân nghĩa còn bao hàm nội dung hòa hiếu với nhân dân các nước láng giềng. Nguyễn Trãi mong muốn có mối quan hệ hòa bình, tôn trọng lẫn nhau giữa ta với các dân tộc phương Bắc. Kể cả với quân xâm lược, khi chúng đã đầu hàng thì tội lớn tội nhỏ tha hết, mở rộng hiếu sinh, lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo. Tính nhân văn, lòng vị tha cũng chính là chiến lược “đánh vào lòng người” tuyên truyền vận động làm cho những người trong hàng ngũ địch thấy rõ được chính nghĩa của ta, khiến họ “cải tà, quy chính”. Có biết yêu tha thiết đồng bào mình thì mới biết yêu nhân loại một cách chân thật, xuất phát từ đạo lý Đại Việt “thương người như thể thương thân”. Như vậy, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đã bao quát được cốt cách, tinh thần của người Việt, từ xây dựng đất nước đến bảo vệ Tổ quốc, từ đối nội đến đối ngoại, từ cách ứng xử của quan đến vua. Đó là chủ nghĩa yêu nước sâu sắc, chủ nghĩa nhân đạo cao cả của người dân đất Việt, xuất phát từ đời sống thực tiễn hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước.

2.4. Tư tưởng đề cao pháp luật

Thế kỷ X, các vua Lý đã có ý thức xây dựng pháp luật, vua Lý Thái Tông sai quan Trung thư san định luật lệ, chấn chỉnh cho thích ứng với thời thế, chia ra môn loại, biên soạn bộ luật *Hình thư* với những điều khoản cụ thể. Đến đời Trần, vua Trần Thái Tông cho ban hành bộ *Quốc triều hình luật* và phổ biến thực hiện trên cả nước.

Cuối thế kỷ XV, Lê Thánh Tông lên ngôi vua. Bên cạnh việc đề cao Nho gia, ông còn áp dụng sáng tạo tư tưởng Pháp gia vào chính sách trị nước. Trước hết, ông chủ

trương xây dựng một bộ máy quân chủ tập quyền cao độ, hạn chế sự tham chính của tầng lớp quý tộc, loại trừ khả năng lộng quyền của các triều thần ở trung ương và tệ nạn tập trung quyền hành của các quan lại địa phương. Ông ban bố “Hiệu định Hoàng triều quan chế”, khẳng định những thành tựu cải cách hành chính cấp trung ương, đồng thời quyết tâm thực hiện cải cách chính quyền ở các địa phương, xây dựng Đại Việt hùng mạnh, đủ sức đối phó với âm mưu xâm lược của nhà Minh từ phương Bắc. Hiểu rõ vai trò của pháp luật, ông chỉ đạo xây dựng nhiều bộ luật để quản lý chặt chẽ các lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng bộ *Luật Hồng Đức*, tăng cường kỷ cương phép nước, bảo đảm an dân, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội. Không chỉ chú trọng đến việc “làm luật”, Lê Thánh Tông còn rất quan tâm đến hiệu quả thực hiện các văn bản pháp luật đã được công bố. Ông đề cao sự bình đẳng, công bằng trước pháp luật. Ông nhắc nhở: Pháp luật là phép công của Nhà nước, ta và các người đều phải tuân theo, nên nhớ lấy. Cùng với việc lựa chọn kỹ đội ngũ quan lại về pháp luật, ông còn đề ra chế độ làm việc đặc biệt cho họ. Đây là những kinh nghiệm quý báu đối với chúng ta trong xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay.

Đến thế kỷ XIX, nhà Nguyễn ban hành *Luật Gia Long* gồm 22 quyển và 398 điều, và sử dụng trong suốt thời kỳ tồn tại nhà Nguyễn. Mặc dù Nho giáo vẫn được coi trọng, nhưng nhà Nguyễn vẫn dùng pháp luật để điều hành, xử lý công việc quản lý đất nước, trong đó đưa ra nhiều hình phạt khốc liệt đối với các tội phạm, nhất là tội chống triều đình. Tuy nhiên, ý thức thực hiện pháp luật bước đầu đã được hình thành và phổ biến ở nước ta.

Như vậy, trong lịch sử chính trị Việt Nam truyền thống có nhiều tư tưởng có giá trị đặc sắc và phong phú cả về lý luận và thực tiễn. Tuy đó không phải là những học thuyết, trường phái đồ sộ, những cuốn sách “bác học”, nhưng kho tàng văn học dân gian, văn học bình dân, những bài thơ, bài hịch, bài điều và những bản tuyên ngôn của các vị vua, tướng sĩ, các nhà yêu nước đã để lại những bài học quý báu cho muôn đời con cháu, sức sống mãnh liệt của nó đã và đang là động lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

3. Vận dụng tư tưởng chính trị truyền thống trong giai đoạn hiện nay

Tư tưởng chính trị truyền thống Việt Nam thể hiện tri thức, tình cảm, ý chí của con người Việt Nam đối với quê hương, đất nước, tạo thành động lực tinh thần to lớn thúc đẩy mọi người dân sẵn sàng cống hiến sức lực, trí tuệ, xả thân vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay. Những tư tưởng yêu nước, thân dân, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia là cội nguồn sức mạnh, là “bệ phóng” đưa dân tộc Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nhất là khi phải đương đầu với những thế lực ngoại xâm mạnh hơn ta hàng chục, hàng trăm lần. Đó là giá trị thiêng liêng của toàn dân Việt Nam, trở thành đặc trưng tiêu biểu của tính cách con người Việt Nam; là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Quá trình mở cửa, hội nhập quốc tế của nước ta những năm qua và xu thế toàn cầu hóa đã và đang đem lại những biến đổi nhiều mặt trong đời sống xã hội. Sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đã và đang giành được

những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Tuy nhiên, chúng ta vẫn đứng trước nhiều thách thức: nền kinh tế tăng trưởng thiếu bền vững, kinh tế tri thức phát triển chậm; phân hóa xã hội còn cao, vẫn còn tỷ lệ khá lớn người nghèo trong xã hội; thành tựu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc chưa cao, ý thức tôn trọng và thực hiện pháp luật trong một bộ phận người dân còn thấp..., đã ảnh hưởng đến tư tưởng yêu nước, thương dân, đề cao pháp luật.

Trong điều kiện mới, giá trị của tư tưởng chính trị truyền thống được thể hiện ở lòng yêu nước và tự hào dân tộc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tương lai tươi sáng của sự nghiệp đổi mới; việc nêu cao ý thức độc lập, tự chủ và ý chí tự lực, tự cường; tranh thủ tối đa những nguồn lực bên ngoài, tăng cường nguồn lực bên trong...; ở tinh thần đoàn kết, đấu tranh chống lại những thói hư, tật xấu, chống các hiện tượng tiêu cực trong xã hội; đấu tranh chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, kiên quyết và kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; sẵn sàng đối phó với mọi tình huống, bảo vệ môi trường hòa bình... Tư tưởng chính trị truyền thống có giá trị như bệ đỡ tinh thần, niềm tin, niềm tự hào dân tộc để mỗi người dân Việt có thêm dũng khí đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, chống “lợi ích nhóm”, bảo vệ sự trong sạch của bộ máy Đảng và Nhà nước.

Để khơi dậy và phát huy những giá trị tư tưởng chính trị truyền thống, chúng ta cần tăng cường hơn nữa công tác giáo dục, tuyên truyền, giác ngộ tinh thần yêu nước trong mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ: “Đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn

kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội” [2, tr.48]. Vì vậy, các tổ chức trong hệ thống chính trị cần nâng cao nhận thức, xây dựng kế hoạch cụ thể và thường xuyên để khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, thương dân, đề cao pháp luật nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, vượt qua mọi khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh”, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ nhất, cụ thể hóa các phương thức biểu hiện của chủ nghĩa yêu nước, tư tưởng thân dân, ý thức bảo vệ độc lập dân tộc, tôn trọng pháp luật... trong thời kỳ mới để người dân dễ hiểu, dễ tiếp thu và chuyển hóa thành hành động cách mạng. Tư tưởng chính trị hiện nay phải được thể hiện trước hết và chủ yếu ở tinh thần bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh, vươn lên rửa cái nhục nghèo nàn, lạc hậu, thua kém nước khác. Dân tộc ta cần cù, thông minh, dũng cảm, không thể cam chịu là một nước nghèo. Những gì mà các nước tiên tiến trên thế giới đã làm được trong lĩnh vực kinh tế, khoa học - công nghệ,... thì chúng ta cũng sẽ làm được. Đây không chỉ là niềm tin, lòng tự tôn dân tộc, mà còn là lương tâm, trách nhiệm của thế hệ đi sau đối với các thế hệ cha ông. Do vậy, giá trị lớn nhất của tư tưởng chính trị truyền thống trong điều kiện hiện nay chính là khơi dậy động lực, sự cố gắng phấn đấu học tập, tu dưỡng và rèn luyện; là tinh thần lao động cần cù, sáng tạo và tiết kiệm của mỗi người dân để làm ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội; tham gia tích cực và có hiệu quả vào công cuộc xóa đói giảm nghèo, làm giàu một cách chính đáng cho bản thân, gia đình và cho xã hội để qua đó,

góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Thứ hai, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tất yếu chúng ta phải mở cửa hội nhập, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ với các nước để trao đổi, học tập, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, trình độ quản lý kinh tế và thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến. Song, chúng ta phải luôn giữ vững độc lập tự chủ, không nên trông đợi vào sự giúp đỡ “vô tư” của các nước khác, cũng không thể có thái độ thụ động, ỷ lại vào bất kỳ ai. Vì thế, tư tưởng yêu nước, thân dân trong giai đoạn hiện nay còn phải gắn liền với việc nêu cao ý thức độc lập tự chủ, tự lực tự cường. Trong đó, một mặt chúng ta cần tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài, nhưng mặt khác phải dựa vào nguồn lực trong nước, vào sức mạnh nội lực là chính, xây dựng được nền kinh tế vững mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới.

Thứ ba, giáo dục giá trị tư tưởng yêu nước, thân dân, ý thức bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, tinh thần thượng tôn pháp luật... để mỗi người Việt Nam tự hào về đất nước Việt Nam. Trên cơ sở tự hào về lịch sử chính trị, chúng ta xây dựng niềm tự hào mới, ý thức sâu sắc về mục tiêu, lý tưởng của Đảng và của cả dân tộc ta là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, vì hạnh phúc của nhân dân... từ đó phát huy tinh thần sẵn sàng làm mọi việc vì dân, vì nước. Tự thân mỗi người cần sống và làm việc, dám nghĩ dám làm, năng động, sáng tạo, luôn đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết. Đồng thời, mỗi người Việt Nam phải cảnh giác và kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu xâm phạm chủ quyền quốc gia, kiên

quyết và kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Thứ tư, tạo ra các điều kiện và môi trường xã hội thuận lợi, làm cơ sở và động lực để phát huy giá trị cơ bản của tư tưởng chính trị truyền thống Việt Nam trong điều kiện mới. Hiện nay, nhiều người dân có tinh thần yêu nước, nhưng lại khó có điều kiện thể hiện hành vi, khi cuộc sống của họ còn nhiều khó khăn, hàng ngày phải vật lộn với miếng cơm, manh áo. Khi người dân đã ý thức được họ cần phải làm gì để thể hiện tinh thần yêu nước, thì Đảng và Nhà nước phải tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho họ có những hoạt động cụ thể, thiết thực góp phần vào sự ổn định, phát triển đất nước, như ban hành các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội phù hợp để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, đẩy lùi nạn tham nhũng, kết hợp và giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Đồng thời, xây dựng và củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác biệt không trái với lợi ích chung của dân tộc.

Thứ năm, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về những giá trị của tư tưởng chính trị truyền thống. Mục tiêu chung của công cuộc đổi mới là xây dựng nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đó cũng là nội dung xuyên suốt, bao trùm của tư tưởng chính trị Việt Nam trong giai

đoạn hiện nay. Có thể nói, tư tưởng chính trị truyền thống được kế thừa và phát huy rõ nhất là tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng ta. Giá trị đó được biểu hiện bằng hành động, việc làm hàng ngày ở gia đình, trong trường học, ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... Đó là ý thức chấp hành luật pháp, là cần, kiệm, liêm, chính; chí công vô tư; là yêu thương con người, không vô cảm trước khó khăn của đồng chí, đồng bào, là trách nhiệm xã hội, kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí, sẵn sàng hy sinh vì độc lập của Tổ quốc. Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho mỗi người Việt Nam, trước hết là từng cán bộ, đảng viên nhận thức rõ tình trạng tham nhũng, “lợi ích nhóm” đang là quốc nạn, làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đe dọa sự lãnh đạo của Đảng, sự tồn vong của chế độ. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII. Điều đó là biện pháp thiết thực nhất để xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

4. Kết luận

Tư tưởng chính trị truyền thống có giá trị như tài sản tinh thần vô giá của dân tộc ta.

Mỗi người dân Việt Nam có quyền tự hào về truyền thống anh hùng và vẻ vang của dân tộc. Trong lịch sử, cha ông ta đã anh dũng kiên cường, khôn khéo, mềm dẻo để bảo vệ độc lập dân tộc và giữ vững chủ quyền quốc gia. Vì vậy, thế hệ chúng ta phải tiếp tục học tập, nhận thức rõ hơn những giá trị của tư tưởng chính trị truyền thống để phát huy sáng tạo trong điều kiện mới, quyết tâm xây dựng đất nước ổn định, đổi mới và phát triển bền vững, sánh vai với các nước trong khu vực và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lưu Văn An (2012), *Thế chế chính trị Việt Nam - lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [3] Dương Xuân Ngọc (Chủ biên) (2001), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Lưu Văn Sùng (Chủ biên) (2004), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Tài Thư (Chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Trãi (2006), “Bình Ngô đại cáo”, *Sách giáo khoa Ngữ văn 10*, t.2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.